

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 4 trang)

MÃ ĐỀ: 907

Câu 1. Cơ sở dữ liệu quan hệ **không** thể dùng để làm gì?

- A. Cập nhật CSDL. B. Khai thác CSDL. C. Tạo lập CSDL. D. Xử lý CSDL.

Câu 2. Trong mô hình quan hệ, ràng buộc như thế nào được gọi là ràng buộc toàn vẹn thực thể (ràng buộc khoá)?

- A. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau.
B. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống nhưng được trùng nhau
C. Kiểm soát việc nhập dữ liệu sao cho dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống, dữ liệu tại các cột khoá chính không được trùng nhau để đảm bảo sự nhất quán dữ liệu.
D. Dữ liệu tại các cột khoá chính không được để trống.

Câu 3. Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn tính điểm trung bình của mỗi lớp, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?

- A. Tables. B. Reports. C. Forms. D. Queries.

Câu 4. Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

- A. Bảng. B. Hàng. C. Cột. D. Kiểu dữ liệu.

Câu 5. Cho các bảng sau :

- **DanhMucSach**(MaSach, TenSach, MaLoai)

- **LoaiSach**(MaLoai, LoaiSach)

- **HoaDon**(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết *giá của một quyển sách* thì cần những bảng nào ?

- A. HoaDon. B. HoaDon, LoaiSach.
C. DanhMucSach, HoaDon. D. DanhMucSach, LoaiSach.

Câu 6. Cho bảng dữ liệu sau:

| Số thẻ | Mã số sách | Ngày mượn | Ngày trả |
|--------|------------|----------------|----------------|
| TV-02 | TO - 012 | 5 - 9 - 2007 | 30 - 9 - 2007 |
| | TN - 103 | 22 - 10 - 2007 | 25 - 10 - 2007 |
| TV-04 | TN - 103 | 12 - 9 - 2007 | 15 - 9 - 2007 |
| TV02 | TN - 102 | 24 - 9 - 2007 | 5 - 10 - 2007 |
| TV01 | TO - 012 | 5 - 10 - 2007 | |

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

- A. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính.
B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV - 02.
C. Một thuộc tính có tính đa trị.
D. Độ rộng các cột không bằng nhau.

Câu 7. Mô hình DLQH được E.F. Codd đề xuất vào năm nào?

- A. 1973. B. 1970. C. 1971. D. 1972.

Câu 8. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

- A. Thuộc tính khóa. B. Thuộc tính của trường.
C. Tên trường. D. Địa chỉ của các bảng.

Câu 9. Khi muốn sửa đổi thiết kế báo cáo, ta chọn báo cáo rồi nhấp nút:

- A.  Design B.  C.  Preview D. 

Câu 10. Thuật ngữ “miền” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

- A. Hàng. B. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính.
C. Bảng. D. Cột.

Câu 11. Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

- A. Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu.
- B. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ.
- C. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ.
- D. Phần mềm Microsoft Access.

Câu 12. Khi mở một báo cáo, nó được hiển thị dưới dạng nào?

- A. Chế độ thiết kế.
- B. Chế độ biểu mẫu.
- C. Chế độ trang dữ liệu.
- D. Chế độ xem trước.

Câu 13. Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường: STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là:

- A. Phòng thi.
- B. STT.
- C. Họ tên học sinh.
- D. Số báo danh.

Câu 14. Các khái niệm nào **không** dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

- A. Cấu trúc dữ liệu.
- B. Dữ liệu trong bảng.
- C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.
- D. Các ràng buộc dữ liệu.

Câu 15. Về mặt cấu trúc, dữ liệu được thể hiện trong đối tượng nào sau đây?

- A. Field.
- B. Table.
- C. Record.
- D. Report.

Câu 16. Chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu sau?

- A. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần.
- B. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức.
- C. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo.
- D. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động.

Câu 17. Khi dùng thuật sĩ để tạo báo cáo ta chọn lệnh nào trong các lệnh sau:

- A. Create report in design view.
- B. Create report by using wizard.
- C. Create query by using wizard.
- D. Create query in design view.

Câu 18. Mô hình nào sau đây **không có** trong các mô hình dữ liệu đã học?

- A. Mô hình phân cấp.
- B. Mô hình quan hệ.
- C. Mô hình tập trung.
- D. Mô hình hướng đối tượng

Câu 19. Cho bảng dữ liệu sau:

| Số thẻ | Mã số sách | Ngày mượn - trả | |
|--------|------------|-----------------|----------------|
| | | Ngày mượn | Ngày trả |
| TV-02 | TO - 012 | 5 - 9 - 2007 | 30 - 9 - 2007 |
| TV-04 | TN - 103 | 12 - 9 - 2007 | 15 - 9 - 2007 |
| TV-02 | TN - 102 | 24 - 9 - 2007 | 5 - 10 - 2007 |
| TV-01 | TO - 012 | 12 - 10 - 2007 | 12 - 10 - 2007 |

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Có một cột thuộc tính là phức hợp.
- B. Số bản ghi quá ít.
- C. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt.
- D. Không có thuộc tính tên người mượn.

Câu 20. Thao tác trên dữ liệu nào **không thể** thực hiện được?

- A. Sửa tên bảng.
- B. Xoá bản ghi.
- C. Thêm bản ghi.
- D. Sửa bản ghi.

Câu 21. Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc các bảng bao gồm những thành phần nào:

- A. Chỉ có hàng.
- B. Gồm các hàng.
- C. Gồm các hàng và cột.
- D. Chỉ có cột.

Câu 22. Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng nào?

- A. Biểu mẫu.
- B. Mẫu hỏi.
- C. Báo cáo.
- D. Bảng.

Câu 23. Phát biểu nào **sai** trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

- A. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu.
- B. Một bảng có thể có nhiều khoá chính.
- C. Mỗi bảng có ít nhất một khoá.
- D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 24. Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

- A. Cột.
- B. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính.
- C. Hàng.
- D. Bảng.

Câu 25. Đặc điểm nào sau đây **không** là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau.

- B. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng.
- C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng.
- D. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp.

Câu 26. Để tạo một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi gì?

- A. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo?
- B. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Hình thức báo cáo như thế nào?
- C. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào?
- D. Báo cáo được tạo ra để kết xuất thông tin gì? Dữ liệu từ những bảng, mẫu hỏi nào sẽ được đưa vào báo cáo? Dữ liệu sẽ được nhóm như thế nào? Tạo báo cáo bằng cách nào?

Câu 27. Để tính trung bình điểm toán theo tổ ta chọn hàm nào trong các hàm sau:

- A. AVG.
- B. COUNT.
- C. MIN.
- D. SUM.

Câu 28. Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?

- A. Tables.
- B. Reports.
- C. Queries.
- D. Forms.

Câu 29. Khi tạo liên kết cho các bảng, trường liên kết giữa các bảng phải đảm bảo:

- A. Có cùng kiểu dữ liệu
- B. Chỉ cần giống nhau về tên
- C. Chỉ cần giống nhau về kiểu dữ liệu
- D. Giống nhau về tên trường và kiểu dữ liệu

Câu 30. Trong các bước tạo báo cáo, ta **không** thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

- A. Chọn trường đưa vào báo cáo.
- B. Gộp nhóm dữ liệu.
- C. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó.
- D. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày.

Câu 31. Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng nào?

- A. Bảng.
- B. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính.
- C. Hàng.
- D. Cột.

Câu 32. Báo cáo thường được sử dụng để làm gì?

- A. Tổng hợp thông tin từ các nhóm dữ liệu.
- B. Thể hiện được sự so sánh từ các nhóm dữ liệu.
- C. Trình bày nội dung văn bản theo mẫu quy định.
- D. Tất cả các ý còn lại.

Câu 33. Khi báo cáo đang ở chế độ thiết kế, có thể nháy nút nào để xem kết quả của báo cáo?

- A.  Preview
- B.  Design
- C. 
- D. 

Câu 34. Đối tượng nào sau đây **không** thể cập nhật dữ liệu?

- A. Báo cáo.
- B. Mẫu hỏi, báo cáo.
- C. Bảng, biểu mẫu.
- D. Bảng.

Câu 35. Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

| Mahs | HoTen | Ngaysinh | Lop | Diachi | Toan | Li | Hoa |
|------|----------------|--------------|-----|-----------|------|----|-----|
| 0001 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12A | Nội trú | 10 | 9 | 8 |
| 0002 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12A | 20 Lê Lợi | 9 | 10 | 5 |
| 0003 | Tran Van Thanh | 1 - 2 - 1990 | 12B | Nội trú | 7 | 7 | 7 |

Khoá chính của bảng là:

- A. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}.
- B. Khoá chính = {Mahs}.
- C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}.
- D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}.

Câu 36. Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

- A. Khóa chính.
- B. Khóa và khóa chính.
- C. Trường số thứ tự.
- D. Tất cả các trường của bảng.

Câu 37. Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì:

- A. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN.

- B. Trường SOBH là trường có kiểu dữ liệu ngắn hơn.
- C. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất.
- D. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số.

Câu 38. Phát biểu nào trong các phát biểu sau là *sai* khi nói về miền?

- A. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền.
- B. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau.
- C. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên.
- D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text.

Câu 39. Để tạo nhanh một báo cáo, thường chọn cách nào trong các cách dưới đây:

- A. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo.
- B. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo và sau đó sửa đổi thiết kế báo cáo.
- C. Người dùng tự thiết kế.
- D. Chỉ dùng thuật sĩ.

Câu 40. Khẳng định nào là *sai* khi nói về khoá?

- A. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá.
- B. Khoá là tập hợp các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể.
- C. Khoá là tập hợp các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể.
- D. Khoá phải là các trường STT.